

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 5 - 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn N, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Kim P sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2019, nguyên đơn anh Ngô Văn N bày:**

Anh và chị P tự nguyện tìm hiểu kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng 02/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly

than cho đến nay. Nguyên nhân là do hai bên không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Vĩ K, sinh ngày 25/5/2004 hiện đang sống với anh N. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Lê Kim P:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa) nhưng chị P không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để được hướng dẫn giải quyết quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân anh Ngô Văn N yêu cầu được ly hôn với chị Lê Kim P; Về con chung anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Kim P không có mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Lê Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn chị Lê Kim P có nơi cư trú tại, huyện G, tỉnh K nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

Về quan hệ tranh chấp: Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị P nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn N yêu cầu được ly hôn với Lê Kim P. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của anh N đã có căn cứ xác định, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh K nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh chị chung sống đến tháng 02/2015 thì xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm sống, kể từ đó đến nay anh chị không thể tự hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau, hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc. Do đó, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ chồng theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Ngô Văn N được ly hôn chị Lê Kim P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Cháu Ngô Vĩ K, sinh ngày 25/5/2004 có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh N, điều này phù hợp với môi trường sống, học tập hiện tại của cháu nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Do anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét (Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hôn nhân sơ thẩm anh Ngô Văn N phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008099, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh N đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Ngô Văn N được ly hôn với chị Lê Kim P.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Vĩ K, sinh ngày 25/5/2004 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Do anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét (Trừ trường hợp có thay đổi về quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Ngô Văn N phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008099, ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh N đã nộp đủ án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18/5/2020. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã, phường (tt) nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh